

Một trong các chiến công lớn của các vua triều Nguyễn là không chỉ quyên đút nước, trong đó có chỉ quyên 2 quân đội Hoàng Sa, Trường Sa.

Lịch sử nhà Nguyễn có hai giai đoạn khác biệt nhau. *Giai đoạn thứ nhất* là lịch sử của các chúa Nguyễn với 204 năm bắt đầu từ chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558 đến chúa Nguyễn Phúc Ánh đánh bại Tây Sơn và xưng đế năm 1802. Mặc dù 5 v

ở tiên đầu tiên của nhà Nguyễn với nhiều quan trọng nhà Lê và Nguyễn Phúc Chu năm 1702 mới xưng chúa, song ý đồ cát cứ đã bắt đầu từ Nguyễn Hoàng nên cả 9 v đầu có thể gọi là các chúa Nguyễn.

Giai đoạn thứ hai

là triều Nguyễn với 143 năm từ khi Nguyễn Ánh đăng quang kéo dài đến năm 1945, khi Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố thoái vị trong Cách mạng tháng Tám. Lịch sử các chúa Nguyễn và triều Nguyễn là thời kỳ rất đặc biệt, vô cùng ph

ở
c tiếp, đầy mâu thuẫn trong lịch sử nước nhà. Chính sách đối ngoại và ngoại giao của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn cũng nằm trong cái phức tạp, mâu thuẫn đó. Cùng một vấn đề, cùng một sự kiện, nhưng đánh giá của giới nghiên cứu rất khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Có người thì không chỉ là công, song có người lại cho là tội. Ánh giá như thế nào cho khách quan, khoa học, thật đáng, đúng tinh thần “công minh s h”?

Trong chính sách của quốc gia, chính sách đối nội gắn bó hữu cơ với chính sách đối ngoại. Mặc dù, chính sách đối ngoại có sự đặc biệt nhất định, tác động trực tiếp chính sách đối nội, song chính sách đối ngoại là sự tiếp tục và phát triển chính sách đối nội. Ngoại giao là công cụ hòa bình, công cụ quan trọng nhất thực hiện chính sách đối ngoại của quốc gia. Chính sách đối ngoại và ngoại giao của bất cứ quốc gia nào dù to dù nhỏ, từ chế độ kim, từ Đông sang Tây đều phải thực hiện ba nhiệm vụ bao trùm là: góp phần bảo vệ và củng cố đặc biệt lập chủ quyền quốc gia, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển đất nước, góp phần phát huy ảnh hưởng của nước mình trong khu vực và quốc tế.

Với cách hiểu về chính sách đối ngoại, ngoại giao như vậy, tác giả bài viết xin góp thêm vài ý kiến đánh giá chính sách đối ngoại, ngoại giao của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn với tư cách là người nghiên cứu quan hệ quốc tế và ngoại giao.

1. Tóm lại một số đánh giá về các chúa Nguyễn và triều Nguyễn

Từ sau khi hòa bình lập lại, việc nghiên cứu giai đoạn lịch sử của các chúa Nguyễn ở vùng trong và các vua Nguyễn đã được triển khai ở miền Bắc. Các công trình được đăng trên các tạp chí nghiên cứu như *Văn số địa* (tạp chí Sông Hồng), tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*

và trong các báo số, lịch sử văn học Việt Nam, sách giáo khoa, giáo trình về lịch sử Việt Nam. Các tác giả đều có chung một đánh giá là phê phán các chúa Nguyễn chia cắt đất nước, cứu viện nhà Xiêm chống lại Tây Sơn, có chính sách sai lầm “bỏ quan tâu công”, nhu nhược, đầu hàng thực dân Pháp... Ví dụ: Trong bài giới thiệu “*Việt Nam thực lục*” của Viện Sử học, các tác giả viết “Bên số thên nhà Nguyễn làm công việc biên soạn

Việt Nam thực lục

đã có giọng rất tiêu cực đối với nhà Nguyễn... những bản số thên ấy vẫn không che giấu nổi các số thên của lịch sử. Dưới ngòi bút của họ, số thên lịch sử vẫn phải bày cho mọi người biết tội ác của bản vua chúa phản động, không những đã “cống rận cún gà nhà” mà chúng còn có kìm hãm, đẩy đưa nhân dân Việt Nam trong một đời sống tăm tối đẩy áp bức”.

[1]

Một báo số lớn khác dành cho nhà Nguyễn những đánh giá rất cay nghiệt khi viết “vong triêu Nguyễn tàn ác và ngu xuẩn”, “tên chúa phong kiến bán nước số một là Nguyễn Ánh... Nguyễn Ánh cứu cứu các thế lực ngoại bang giúp họn thóa mất số phúc thù giai cấp”.

[2]

Ngay cả trong các báo số gần đây, khuynh hướng đánh giá các chúa Nguyễn, nhà Nguyễn vẫn hết sức nặng nề, không khác các đánh giá trước đây là mấy. “Mọi chính sách chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội triều Nguyễn ban hành đều nhằm mục đích duy nhất là bảo vệ đức quyền đức lợi cho tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn”.

Bộ máy chính trị triều Nguyễn ngay từ đầu đã mang tính chất quan liêu, được đoán và sâu mọt. Đó là một nhà nước quân chủ chuyên chế tuy thế, tập trung cao độ với một chế độ chính trị độc hại, phản động. [3] “Về đối ngoại, chúng ra sốc đẩy mạnh thế độ xâm lược đối với các nước láng giềng như Cao Miên, Lào làm cho quân lực bản thên, tài chính quốc gia và tài lực nhân dân bản khánh kiệt”.

[4]

Từ những năm 1990 trở lại đây đã có gần 20 cuộc hội thảo khoa học, các hội thảo chuyên đề tại Thanh Hóa (18-19/10/2008) và các chúa Nguyễn và vùng triểu Nguyễn từ thế kỷ 16 đến cuối thế kỷ 19, các cuộc tranh luận và tiếp xúc và cũng không kém phần gay gắt.

2. Một tích cực trong chính sách đối ngoại, ngoại giao của các chúa Nguyễn, triều Nguyễn

Các chúa Nguyễn, vùng triểu Nguyễn, nhất là các chúa Nguyễn có những đóng góp đáng kể về đối ngoại. Có thể nói sau:

Thứ nhất, lãnh thổ là một trong các yếu tố quan trọng tạo nên quốc gia và sức mạnh quốc gia. Các chúa Nguyễn đã có công góp phần mở mang bờ cõi nước ta. Đất nước lớn hơn, quốc gia mạnh hơn, ảnh hưởng đối với khu vực và quốc tế sẽ mạnh hơn. Lúc Nguyễn Hoàng vào làm Tổng trấn Thuận Hóa năm 1558, công việc nước ta mới đến Quảng Nam. Các chúa Nguyễn đã có công mở rộng công việc nước ta từ Quảng Ngãi đến Cà Mau. Diện tích của khu vực mở rộng này là 136.131 km², chiếm hơn 40% diện tích nước ta hiện nay. Thứ hai là một kết quả!

Có thể nói xét cho rộng, không có các chúa Nguyễn, công cuộc Nam tiến của chúng ta đã vẫn sẽ diễn ra, thậm chí nhanh chóng hơn, hòa bình hơn, nhân đạo hơn trong một quốc gia thống nhất... Nhìn xét đó đúng một phần. Thời Minh - Tiễn Lê, biên giới của Nam nước ta là Chiết Giang là Nhật Nam. [5] Năm 982, sau khi chiếm thống quân Tống, Hoàng đế Lê Đại Hành hành quân vào Chiêm Thành trừng trị tội bất tuân sự nghiệp của Chiết Giang, song Nghê Tinh vẫn là biên giới của Nam nước ta. Năm 1044, do Chiêm Thành không chịu thông sứ và cho quân quấy nhiễu vùng biên, vua Lý Thái Tông đích thân đem quân đi đánh. Vua Thái Tông tiến đến kinh đô Phật Thố (Hồng Thủy, Thừa Thiên - Huế), trừng phạt Chiêm Thành là Quách Gia Di chém quốc vương Sô Đâu, đem quân xin hàng. Năm thế kỷ 11, thời Lý Thánh Tông (năm 1069), lãnh thổ Chiết Giang mở thêm được ba châu: Bình Chính, Lý và Ma Linh (Quảng Bình - Quảng Trị ngày nay) do vua Chiêm là Chế Củ dâng đất tâu tấu và xin được trả tâu do, sau khi thua Chiết Giang và bị bắt làm tù binh. Năm thế kỷ 14, đời Trần năm 1305, triều Trần Anh Tông vua Chiêm Thành là Chế Mân dâng thêm hai châu Ô, châu Lý (Nam Quảng Trị và Thuận Hóa) để xin công chúa Huyền Trân. Dưới thời Hồ Quý Ly, năm 1402, biên giới của Chiết Giang mở rộng đến Nam Quảng Nam, Quảng Ngãi. Năm 1470, vua Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành vì vua Chiêm sai sứ

sang cửa biển nhà Minh và xâm phạm biên giới nước ta đồng thời đánh chiếm vùng Thuận Nghĩa (Bình Định). Biên giới nước ta mở đến đèo Cù Mông, phía bắc tỉnh Phú Yên. Đây là biên giới nước ta vào thời điểm Nguyễn Hoàng làm Tổng trấn Thuận - Quảng năm 1558.

Các vùng Bình - Trị - Thiên, Thuận Hóa - Quảng Nam, những đất lấy được của Chiêm Thành thực sự chưa được khai khẩn vì thiều chính quyên và thiều dân. Cho đến thời các chúa Nguyễn mới có điếu kiện để khai phá thực sự các vùng này. Nếu tính cả các vùng này, diện tích đất đai mà các chúa Nguyễn mở rộng là 179.000 km², chiếm

khoảng 54,4 % lãnh thổ nước ta hiện nay. Trong hai thế kỷ 17 - 18, các chúa Nguyễn từ chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613) đến chúa Võ Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), công việc nước ta đã được mở rộng từ Quảng Nam đến Châu Đốc - Hà Tiên. Các triều đại trước chúa Nguyễn phải mất sáu thế kỷ mới mở rộng được thêm 42.229 km

2

từ Nghệ Tĩnh đến Quảng Nam, trong khi các chúa Nguyễn chỉ mất không đầy hai thế kỷ đã mở được 136.131 km

2.

.

Có nguyên nhân khách quan và chủ quan trong việc các chúa Nguyễn thúc đẩy mở mang bờ cõi xuống phía Nam. Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa có mưu đồ tranh bá ở vùng nhòm được chiếm quyên thống trị phương Nam, chống lại chúa Trịnh. Chính điếu đó cũng gây ra cuộc cát cứ, nội chiến phân tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài hai thế kỷ. Chúa Trịnh cũng chịu trách nhiệm đó. Dù với mục đích nào, với việc mở rộng công việc nước ta, các chúa Nguyễn đã có công lớn. Do có mục đích cát cứ, chống lại nhà Trịnh mà công cuộc mở rộng và khai phá phương Nam đã diễn ra khẩn trương hơn, mạnh mẽ hơn, quyết liệt và nhanh hơn vì đó là yêu cầu sống còn của các chúa Nguyễn.

Các cuộc mở mang bờ cõi đều phải trải bằng xương máu dù dẫu thời các chúa Nguyễn cũng như dẫu thời các vua chúa khác trước đó. Các cuộc hành quân của Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Thường Kiệt, Trần Thánh Tông, Trần Duệ Tông... cũng đều phải trải bằng xương máu để mở mang bờ cõi. Không nghi ngờ đó là công sức của nhân dân miền Bắc cũng như miền Nam. Song vai trò cá nhân của các chúa Nguyễn với tư cách là những người tổ chức, lãnh đạo việc mở rộng bờ cõi vô cùng quan trọng. Ở đây cũng cần nhận mạnh vai trò của Công chúa Ngọc Vạn, con gái chúa Nguyễn Phúc Nguyên, người được gả cho Vua Chân Lạp Chey Chettha II. Với tư cách

là Hoàng hậu Chân Lạp, trong 11 năm (1618-1629), bà đã có vai trò không nhỏ để có nhiều cuộc di dân hòa bình của người Việt vào đến tận vùng sông Cửu Long. Chiếm tích của Ngạc Văn công chúa khác gì chiếm công của Huyền Trân công chúa thời Trần.

Thứ hai, nếu như Quang Trung - Nguyễn Huệ có công lao to lớn mở đường cho sự thống nhất đất nước sau nhiều năm nội chiến, chia cắt thì quá trình hoàn tất và củng cố sự nghiệp thống nhất đất nước được tiếp nối tại Gia Long đến Minh Mạng... thì đôi vị vua kế tiếp thống nhất đất nước là sự củng cố chế độ quân chủ gia đình, trong đó có chế độ quân chủ. Một trong các chiến công lớn của các vua triều Nguyễn là không định chế độ quân chủ, trong đó có chế độ quân chủ Hoàng Sa, Trường Sa. Ngay từ thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) đã lập ra đời Hoàng Sa và Bắc Hải. Vị vua Nam triều Nguyễn đã cấm cắt mạt, dùng bia chế độ quân chủ, xây dựng miếu Hoàng Sa với tên gọi chung là Văn Lý Trường Sa, thờ hiên chiếm hậu Hoàng Sa và Trường Sa mang tính nhà nước, liên tục và hòa bình

[6]

cho mãi đến những năm đầu thế kỷ 19 của họ vẫn phải sự phân định của bất kỳ quốc gia nào.

[7]

Năm 1909, chính quyền Quốc gia của nhà Thanh, Trung Quốc cho Tây Sa (Hoàng Sa) là “vô chủ” nên

tìm cách tiếp chiếm chiếm hậu. Họ đã nhậm, thế kỷ Hoàng Sa đã có chế độ rất lâu là nhà Nguyễn. Chúng ta có không ít tài liệu, tài liệu hùng hồn không định vị trí Nguyễn thế hiên chế độ quân chủ liên tục ở hai quần đảo này.

[8]

Thứ ba, có ý kiến cho rằng chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn là mù quáng, thiển cận như thế kỷ nhà Thanh, xâm lược, bắt nạt Cao Miên, Ai Lao. Song tác giả bài viết này có suy nghĩ khác.

Ông xã với người láng giềng, vô cùng quan trọng trong chính sách đối ngoại của quốc gia. Người ta chỉ có thể thay đổi được bản thù, song không ai thay đổi được láng giềng. Nhà sử học Phan Huy Chú rất đúng khi nhận xét rằng “Trong việc trị nước, hòa hiếu với láng giềng là việc lớn, mà những khi ông thù lại rất quan trọng, cho nên nhà vua tu hiếu (việc giao hiếu) chép ở Kinh Xuân Thu, đạo giao lân (giao thiệp với các nước láng giềng) chép ở Hiên truyện (sách Minh Tịch), chính là đem lòng tin thế kỷ mà kết giao, người có quyền trị nước phải nên cẩn thận”.

[9]

1

Trung Quốc luôn là người láng giềng lớn mạnh của Việt Nam. Trung Quốc phong kiến lại có tư tưởng bành trướng, bá quyền đối với nước ta và nhiều lần xâm lược Việt Nam. Cũng như các triều đại trước đó, ông xưa với Trung Quốc luôn là sợi chỉ đỏ trong chính sách đối ngoại quốc gia. Nhà Nguyễn cũng vậy phải thực hiện chính sách thân phục Mãn Thanh, nhận phong tước của nhà Thanh, tham chí thời kỳ đầu phải ra Thăng Long để thực phong, vì sự thiên triều không chụu vào Hu. Một khác, nhà Nguyễn vẫn có ý thức đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, giữ vững biên giới quốc gia. Ông thời, thúc đẩy quan hệ thương mại với Nam - Trung Quốc. Đó là chính sách ngoại giao đúng đắn, mềm mỏng nhưng bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia.

Trong quan hệ với các nước láng giềng như Cao Miên, Lào, chính sách của triều Nguyễn là luôn tìm cách phát huy ảnh hưởng, bước lên phía trước, cũng như, khi có cơ hội thì sát nhập vào lãnh thổ nước mình, khi không có cơ hội thì gây ảnh hưởng để tạo thành "phên dậu" của mình. [10] Chính sách trên có điều kiện thuận lợi để triển khai do nội bộ các nước đó luôn có chia rẽ, xung đột và thường có lúc lúng túng tìm kiếm với Nam, cũng như nước Xiêm láng giềng để nhờ cậy với mục đích thoán đoạt quyền lực và được bảo hộ. Đó cũng là bản chất của giai cấp phong kiến nói chung, trong đó có phong kiến Việt Nam, là để đi tìm "cá lớn nuốt cá bé" của quan hệ quốc tế lúc bấy giờ. Đó chính là lý do giải thích tại sao nước Việt Nam hùng mạnh của Minh Mạng vào các năm 1827 và 1835 đem quân sang Ai Lao và Cao Miên...

Thứ tư, các chúa Nguyễn và triều Nguyễn đã có chính sách giao thương với nước ngoài đúng đắn, nhất là các chúa Nguyễn ở ngoài trong. Bởi đầu tiên chúa Nguyễn Hoàng đã thực thi chính sách thúc đẩy thương mại với các nước trước hết là Nhật Bản, Trung Quốc. Sự thương thuyền buôn bán với ngoài trong vào đầu thế kỷ 17 đã vượt xa sự thương thuyền đến Xiêm, Cao Miên. Ngoài trong đúng đầu danh sách các nước Đông Nam Á trong buôn bán với Nhật Bản như chính sách thông thoáng và vị trí địa lý thuận lợi. Đó cũng chính là nhân tố quan trọng giúp kinh tế ngoài trong phát triển mạnh.

Liên hệ với ngoại thương, việc bang giao với nước ngoài của ngoài trong cũng khá sôi động. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã gả con gái cho thương gia Nhật, nhận một thương gia Nhật làm con nuôi, thương xuyên trao đổi thủ tục, tiếp xúc với Nhật Bản. Người phương Tây được biết tới như: Thiên chúa giáo không bị cấm đoán, thừa sai được sống riêng ngay trong Phủ Chúa, làm bác sĩ riêng, làm thầy giáo dạy toán, thiên văn, và vẽ cho các chúa Nguyễn...

Triều Nguyễn cũng có chính sách thúc đẩy thương mại với Trung Quốc, Nhật Bản. Quan hệ buôn bán khá phát triển với vai trò thương nhân người Hoa. [\[11\]](#)

3. Tiêu cực, thiêu sót trong chính sách đối ngoại, ngoại giao của triều Nguyễn

Đây là thiêu sót, tiêu cực trong chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn? Vấn đề này đã được nhiều học giả phân tích. Có lẽ những sai lầm trong chính sách ngoại giao bắt đầu từ khi chúa Nguyễn đánh bại Tây Sơn lập ra nhà Nguyễn. Các thiêu sót có thể khái quát như sau.

Thứ nhất, một trong các sai lầm nghiêm trọng có thể coi là tội ác là việc Nguyễn Ánh sang Xiêm xin vua Xiêm đem quân giúp đánh Tây Sơn vì lợi ích dòng họ của mình. Đó là hành động “cồng rắn cắn gà nhà”. Dù với mục đích gì cũng không thể biện minh cho việc rước quân xâm lược giày xéo quê hương. Đó là tội ác lớn đối với dân tộc. Cuối tháng 7/1784, tướng Chiêu Trưng, Chiêu Sơn đem 2 vạn thủy quân, 300 chiến thuyền và tướng Chiêu Thủ Biên đem 3 vạn bộ binh cùng Nguyễn Ánh đánh Gia Định. Cuối năm đó, gần một nửa đất Gia Định đã thuộc về Xiêm - Nguyễn Ánh. Quân Xiêm đã cướp của, giết người tàn bạo, gây ra bao tội ác đối với nhân dân ta. Nguyễn Huệ đã đánh tan quân xâm lược và quân Nguyễn Ánh tội trọng Rạch Gầm - Xoài Mút lịch sử vào ngày 19/1/1785, rửa hận cho dân tộc. Chính sự nhà Nguyễn sau này cũng phải thừa nhận: “Người Xiêm sau trận thua năm Giáp Thìn (1785) ngoài miệng tuy nói khoác nhưng trong bụng thì sợ quân Tây Sơn như sợ cọp”.

Thứ hai, các vua Nguyễn đã đưa đất nước rơi vào tay tay thực dân Pháp, khiến nhân dân ta lâm vào vòng nô lệ hơn 80 năm. Nguyên nhân thất bại trong việc chống xâm lược nằm ở đường lối, chính sách của vua quan nhà Nguyễn, trọng hiền là vua Tự Đức. Họ đi từ sai lầm này đến sai lầm khác như quá can thiệp vào việc dân nên đã tiến hành chính sách cấm đạo, bỏ quan tâu cũng, không thể chắc toàn dân chống giặc, mà còn quá nhu nhược, ngoài ra lại đưa vào nhà Thanh để chống Pháp. Song nhà Thanh đã thỏa hiệp với thực dân Pháp trên sự phẫn của người Nam, đi từ những bước này đến những bước khác (Hòa ước năm Nhâm Tuất 1862, Hòa ước Giáp Tuất năm 1874 và cuối cùng là Hòa ước Patenôt năm 1884). Với Hòa ước 1884, người Nam hoàn toàn mất độc lập, bỏ xóa tên trên bản đồ thế giới, trở thành thuộc địa của Pháp, bị Pháp đô hộ.

Trước đó, do bị Tây Sơn đánh bại, Nguyễn Ánh đã đi cầu viện nước Pháp. Ngày 28/11/1787, tại Paris, đại diện của Nguyễn Ánh và chính phủ Pháp đã ký Hiệp ước 10 điểm, theo đó Pháp cam kết giúp binh thuyền, quân đội và chi viện theo yêu cầu của chúa Nguyễn. Còn Nguyễn Ánh cam kết sẽ nhượng chủ quyền của Hà Nội (Hà Nội) và đảo Côn Lôn cho Pháp. Nước Pháp được lập xưởng trên đất liền để sửa chữa tàu thuyền... Mặc dù Hiệp ước không được thực hiện song chính là cái cớ để Pháp xâm lược nước ta. Đó thực sự là tội tày trời của triều Nguyễn. Đánh giá về triều Nguyễn, trong “Lịch sử nước ta” (năm 1941), lãnh tụ Hồ Chí Minh đã viết:

“Bị Tây Sơn đui chày ra nước ngoài.

.....

Nhà Tây qua cầu, tính bài gì vậy.

Nay ta mất nước thế này,

Công là vua Nguyễn rước Tây vào nhà.

Khác gì công rước con gà,

Rước voi dầy mỡ, thế là ngu si.

....

Ngàn năm gươm vóc giang san,

Bà vua họ Nguyễn đem hàng cho Tây!

Tôi kia càng đớp càng đớp,

Sợ tình càng nghẹn càng cay đắng lòng". [\[12\]](#)

Nhưng ta có thể tránh được cuộc xâm lược của thực dân Pháp không? Có hai quan điểm trái ngược nhau về vấn đề này. Quan điểm thứ nhất là chúng ta không thể tránh khỏi việc rơi vào vòng đô hộ của chế độ thực dân vì thực dân hóa là xu thế lúc bấy giờ, nhiều dân tộc ở Á, Phi đều không tránh nổi. Quan điểm thứ hai là Việt Nam có thể tránh được việc bị Pháp xâm lược, có thể chống xâm lược thành công bởi dân ta có truyền thống đoàn kết, yêu nước chống ngoại xâm. Hơn nữa, Việt Nam là nước có tiềm năng trung bình, từng đi phát triển trong khu vực còn nước Pháp xa và có không ít khó khăn...

Thứ ba, về việc chia cắt đất nước, đây là vấn đề đối nội song có liên quan đến đối ngoại vì chế độ quyên quốc gia bị chia cắt đã làm suy yếu sức mạnh quốc gia. Trong phân tranh Trịnh - Nguyễn và trong cuộc nội chiến giữa Đảng trong và Đảng ngoài có trách nhiệm của cả hai Trịnh cũng như Nguyễn.

Ích kỷ, vì lợi ích dòng tộc là bản chất của giai cấp phong kiến đương thời cũng là xu thế trên thế giới từ trước khi hình thành các quốc gia dân tộc. Tất cả những hành động trên đều đáng phê phán, song đó là hạn chế của giai cấp và lịch sử.

Giai đoạn các chúa Nguyễn, triều Nguyễn cùng với các vấn đề về đối ngoại, ngoại giao là giai đoạn phức tạp trong lịch sử dân tộc. Chúng ta cần có quan điểm khách quan, "công minh lịch sử" trong việc đánh giá mặt tích cực, cũng như mặt tiêu cực của các chúa Nguyễn, triều Nguyễn. Trong đánh giá phải có quan điểm lịch sử và quan điểm giai cấp. Trên đây là vài suy nghĩ cá nhân, do vấn đề rất phức tạp nên cần được tiếp tục nghiên cứu làm rõ.

PGS.TS. **Vũ Đình Huân**, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Viên Chông, Liên bang Nga

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hưng Hữu Quỳnh (chủ biên), *Đội công lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, t.1.
2. Ông Trung Hải, “Lý Sơn - Bão tàng Hoàng Sa giữa biển”, báo *Quân đội nhân dân*, ngày 4-8/6/2009.
3. Học viên Quan hệ Quốc tế, *Ngoại giao Việt Nam từ thuở dựng nước đến Cách mạng tháng Tám 1945*, Hà Nội, 2001.
4. *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985, t. 2.
5. Nguyễn Long Bích, “Lịch sử ngoại giao Việt Nam các thời trước”, Nxb. *Quân đội nhân dân*, Hà Nội, 2000.
6. Nguyễn Nhã, “Dùng luận án tiến sĩ đấu tranh cho chủ quyền nước nhà”, báo *Tiến Phong*, ngày 21/6/2009.
7. Nhiều tác giả, *Lịch sử nhà Nguyễn - Một cách tiếp cận mới*, Nxb. Hội Khoa Sử học, Hà Nội, 2005.

8. Nguyễn Xuân Diên, “Hai bên đố kỵ không định chế quyền Việt Nam ở Trường Sa và Hoàng Sa”, báo *Lao Động*, ngày 19/3/2009.
9. Phan Huy Lê, Hội thảo khoa học “Chúa Nguyễn và vùng triểu Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19”, *Tạp chí Công sản*, số 799, tháng 5/2009.
10. Tiễn Dũng, “Thêm hai bằng chứng không định chế quyền Việt Nam ở vùng quần đảo Hoàng Sa”, báo *Quân đội nhân dân*, ngày 2/4/2009.
11. Vũ Kim Biên, “Góp thêm ý kiến xung quanh “hội thảo” về nhà Nguyễn”, *Tạp chí Công sản*, số 797, tháng 3/2009.

[1] Việt Nam Sử học: *Việt Nam thế kỷ I*, Nxb. Giáo dục, 1961, t.1

[2] *Lịch sử Việt Nam*, Nxb, Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985, t.II

[3] Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Việt cộng lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, t.2, tr.12.

[4] Sđd, tr.15.

[5] Nhật Nam ở vùng Nghệ Tĩnh, có biên giới giáp Lâm (thuộc Chiêm Thành - một nước lớn, mạnh và hiệu chiến có lãnh thổ kéo dài đến Bình Thuận ngày nay).

[6] Nguyễn Nhã, “Dùng luận án tiến sĩ đấu tranh cho chủ quyền nước nhà”, báo *Tiến Phong*, số 172, ngày 21/6/2009.

[7] Nguyễn Xuân Diên, “Hai bên đấu quý không đành chủ quyền Việt Nam ở Trường Sa và Hoàng Sa”, báo *Lao động*, ngày 19/3/2009.

[8] Nguyễn Xuân Diên, “Hai bên đấu quý không đành chủ quyền Việt Nam ở Trường Sa và Hoàng Sa”, báo *Lao động*, ngày 19/3/2009; Tiến Dũng, “Thêm một bằng chứng không đành chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa”, báo *Quân đội nhân dân*, ngày 2/4/2009; Thanh Hải, “Lòng vì Hoàng Sa”, báo *Lao động*, ngày 8/5/2009; Công Trung Hải, “Lý Sơn - Bào tàng Hoàng Sa giữa biển”, báo *Quân đội nhân dân*,

ngày 4-8/6/2009; Nguyễn Nhã, “Dùng luận án tiến sĩ đấu tranh cho chủ quyền nước nhà”, báo *Tiến Phong*, ngày 21/6/2009...

[9] Phan Huy Chú, “Lịch triều hiến chương loại chí”, *Bang giao chí*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tập II, tr.533.

[10] Học viện Quan hệ Quốc tế, *Ngoại giao Việt Nam từ thuở dựng nước đến cách*

mùng tháng Tám 1945

, Hà Nội, 2001, tr.251.

[\[11\]](#) Học viện Quan hệ Quốc tế, *Ngoại giao Việt Nam từ thuở dựng nước đến Cách
mùng tháng Tám 1945*, Hà Nội, 2001, tr.252.

[\[12\]](#) *Hồ Chí Minh toàn tập*, Hà Nội, 1996, t.3, tr. 226-227.